

Bản án số: 10/2021/HNGĐ -ST
Ngày: 02/02/2021
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tiến Thành

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1164/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành D**, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn XT, xã Diên X, huyện DK, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.
(Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ 15 Đường Đ, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2020 và bản tự khai ngày 29/10/2020 và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Thành D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện kết hôn vào ngày 11/02/2015 tại UBND phường VH, thành phố Z. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nên không có hạnh phúc mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, nay vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà Nguyễn Thị Mộng T.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Mộng T có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/10/2017; sau ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 04/11/2020 và biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:*

Bà đồng ý với ông D về vấn đề kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông D vì bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông D, hơn nữa không muốn con cái thiếu vắng tình cảm của cha. Mặc dù trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi về những vấn đề như nuôi dạy con, về kinh tế, đồng thời cũng do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân nhau mấy tháng nay. Tuy nhiên, bà vẫn còn rất thương ông D nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thành D có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/10/2017; Nếu trường hợp Tòa chấp nhận ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Q và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Z thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Về con chung, bà Truyền có nguyện vọng nuôi con chung và ông D đồng ý nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự. Xét về điều kiện sinh hoạt và nhu cầu thực tế hiện nay thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ của ông D là phù hợp nên cần chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn ông D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được UBND phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 11/02/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Thành D cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất hòa làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Thực tế, vợ chồng đã tự sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên ông D xin được ly hôn. Bà Nguyễn Thị Mộng T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương yêu chồng, muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân là sự tự nguyện gắn kết tình cảm, yêu thương, tôn trọng, chia sẻ cùng nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau; có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D và bà T đã trầm trọng, mỗi người sống một nơi, bỏ mặc nhau; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Mộng T có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/10/2017. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông D đồng ý. Việc thỏa thuận của ông Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Mộng T là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Thành D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng; bà Nguyễn Thị Mộng T không đồng ý và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện thu nhập, khả năng thực tế và nguyện vọng của ông D thì mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thực tế, mức sống trung bình của cháu Q và phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để buộc ông Nguyễn Thành D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/10/2017 số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 03/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Mộng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thành D phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thành D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Thành D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) kể từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thành D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông D và bà T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Quy định: *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc*

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thành D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0017535 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, Ông D còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Z;
- THADS Tp. Z;
- Ủy ban nhân dân phường VH, TP. Z
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạng